

Bản án số: 268 /2020/ HNGĐ-ST

Ngày: 25-12-2020

“V/v Ly hôn giữa chị N và anh L”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**

2. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**

- T ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - T ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 543/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thanh N**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

** Bị đơn:* Anh **Nguyễn Minh L**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N có mặt, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị Bùi Thanh N trình bày: Chị và anh L do quen biết và được cha mẹ 02 bên tổ chức lễ cưới năm 2018 nhưng không có đăng ký kết hôn. Hai người chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2019 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân anh L không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu rồi xúc phạm danh dự, bạo hành chị làm cho tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Thanh T sinh ngày 10/12/2018, hiện do chị nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không có. Chị yêu cầu ly hôn với anh L. Yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, chị N trình bày chị mang thai cháu T trước khi tổ chức đám cưới với anh L, sau khi cưới hai người chỉ sống hạnh phúc vài tháng thì phát sinh

mâu thuẫn nên chị về nhà cha mẹ ruột sống và sinh con. Chị có yêu cầu anh L đi làm giấy khai sinh cho cháu T nhưng anh không đi nên chị tự đi khai sinh cho cháu T chỉ ghi tên mẹ, không ghi tên cha. Nay chị chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Về việc xác định ai là cha cháu Bùi Thanh T chị không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

- Bị đơn anh Nguyễn Minh L vắng mặt và không có lời trình bày:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Minh L được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L. Tại phiên tòa, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề xác nhận anh L là cha của cháu Bùi Thanh T trong vụ án này. Xét đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên được ghi nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị N và anh L đã có thời gian tìm hiểu nhau trước khi xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2018. Tuy nhiên anh chị chỉ chung sống đến khoảng tháng 01 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Tại phiên tòa chị N xác định không còn tình cảm gì với anh L yêu cầu được ly hôn. Tuy nhiên, do anh chị chung sống với nhau dù có đủ điều kiện để thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật nhưng vẫn không thực hiện do đó Hội đồng xét xử căn cứ theo qui định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị N và anh L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị N trình bày chị và anh L có 01 con chung là cháu Bùi Thanh T sinh ngày 10/12/2018, hiện do chị nuôi dưỡng. Tuy nhiên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận cháu T là con chung của chị và anh L trong vụ án này. Nếu trường hợp chị và anh L không thỏa thuận được chị sẽ khởi kiện trong 01 vụ án khác. Xét thấy, do chị N và anh L không đăng ký kết hôn và sau khi sinh chị N tự đi khai sinh con, không có ý kiến của anh L nên giấy khai sinh không để tên cha của cháu T. Trong quá trình giải quyết vụ án anh L không có ý kiến gì gởi đến Tòa án xác định cháu T là con anh. Đồng thời chị N cũng không yêu cầu Tòa án xác định cháu Bùi Thanh T là con anh L. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Bùi Thanh N và anh Nguyễn Minh L là vợ chồng.
2. Con chung: Không yêu cầu giải quyết.
3. Tài sản chung, nợ chung: Không có

2. Về án phí: Chị Bùi Thanh N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004004 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

5. Về thời hạn kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với anh L thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN TÚ ANH

